



Nâng cao Năng suất ở Việt Nam

Đổi mới Sáng tạo về Khoa học và Công nghệ góp phần tăng năng suất lao động

Khoa học, Công nghệ và Sáng tạo: Động lực cho Tăng trưởng Bền vững ở Việt nam

Những thông điệp chính

1. Việt Nam đang ở ngã ba đường nơi có một con đường hướng tới tốc độ tăng trưởng cao liên tục, tương ứng với tốc độ tăng trưởng đầy ấn tượng 7% mỗi năm trong hai thập kỷ vừa qua. Trên con đường đi đến tương lai này là một nền kinh tế công nghiệp hiện đại vốn được coi là mục tiêu của Kế hoạch Phát triển Kinh tế - xã hội quốc gia. Con đường kia là tăng trưởng chậm và kéo dài do các rào cản về cơ cấu - cùng với nó là sự chậm trễ trong việc đem lại những lợi ích thực sự của tăng trưởng cho các thế hệ tương lai.
2. Đặc trưng quyết định con đường tăng trưởng trong tương lai của Việt Nam chính là tăng trưởng về năng suất lao động và động lực quan trọng duy nhất quyết định sự gia tăng về năng suất chính là đổi mới sáng tạo, mà cụ thể hơn là đổi mới sáng tạo về công nghệ.

Một vài gợi ý hành động

1. Tiếp tục cải thiện nguồn nhân lực
2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tinh thần kinh doanh
3. Chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập
4. Tạo dựng sự kết nối và sáng tạo mở
5. Tạo điều kiện thuận lợi về khuôn khổ pháp lý

Tại sao cần đổi mới sáng tạo?

Việt Nam đang có cơ hội rất lớn - việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao liên tục trong hai thập kỷ tới, tương ứng với tốc độ tăng trưởng đầy ấn tượng 7% mỗi năm trong hai thập kỷ trước đây, có thể góp phần xóa nghèo cùng cực ở Việt Nam. Sau hai thập kỷ nữa, trên 100 triệu người dân Việt Nam có thể được hưởng sự thịnh vượng từ một nền kinh tế công nghiệp, hiện đại mang lại. Tuy nhiên, sự tăng trưởng chậm lại trong 5 - 6 năm gần đây, dù không chỉ xảy ra riêng với Việt Nam, có thể sẽ còn kéo dài do các rào cản về cơ cấu đối với tăng trưởng. Và khi đó, Việt Nam sẽ bị chậm trễ trong việc hoàn thành mục tiêu kép về thịnh vượng chung và xóa nghèo cùng cực, làm cho các thế hệ tương lai không được thụ hưởng những lợi ích thực sự từ tăng trưởng. Một khác biệt quan trọng có thể quyết định xu hướng phát triển của Việt Nam chính là tăng trưởng về năng suất và sự tăng trưởng

này được quyết định bởi nhân tố quan trọng duy nhất là đổi mới sáng tạo.

Đổi mới sáng tạo như một phong cách sống có thể lan tỏa vào tất cả các hoạt động của xã hội, tuy nhiên trong kỷ nguyên kết nối hiện đại, đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất phải bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Tiến bộ trong khoa học và trong Nghiên cứu và Phát triển (R&D) đòi hỏi sự kết hợp giữa các hỗ trợ từ khu vực công và sáng kiến của khu vực tư nhân và đặc biệt là cần chú trọng đến việc khuyến khích tinh thần kinh doanh. Các quốc gia giàu và nghèo đều tích cực đầu tư vào hoạt động phát triển khoa học với kỳ vọng thu được lợi ích từ đổi mới sáng tạo. Các lĩnh vực như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và công nghệ nano có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các quốc gia, nhưng cũng có sự hợp tác quốc tế ngày càng rộng lớn.

Thành tựu

- *Sự sẵn có nguồn nhân lực cho phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.* Điểm PISA bình quân của Việt Nam là 511, cao hơn điểm bình quân 500 của OECD. Việt Nam xếp thứ 8 về điểm số môn Khoa học trong số 65 quốc gia tham gia Chương trình PISA 2012.

- *Tinh thần kinh doanh và sự phát triển công nghiệp.* Tính đến năm 2012, đã có khoảng 540.000 doanh nghiệp tư nhân đăng ký hoạt động (Tổng cục Thống kê, 2012).

- *Chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.* Trong ba thập kỷ gần đây, Việt Nam đã thực hiện hàng loạt biện pháp để cải thiện các điều kiện cho hệ thống đổi mới sáng tạo.

- *Chỉ số Hiệu quả Sáng tạo (IEI).* Từ năm 2003, tỷ lệ người dùng Internet đã tăng một cách đáng kể lên 39,5% vào năm 2011, cao hơn rất nhiều so với Thái Lan (26,5%) và Indonesia (15,4%) – cả hai quốc gia này đều có GDP trên đầu người cao hơn Việt Nam rất nhiều.

- *Lợi thế so sánh hiện hữu.* Liên minh Viễn thông Quốc tế xếp Việt Nam đứng thứ 81 trong số 155 quốc gia về Chỉ số Phát triển Công nghệ thông tin và viễn thông, trên cả Thái Lan (xếp hạng 92) và Indonesia (xếp hạng 95). Về khoa học, Việt Nam có lợi thế đáng kể về ngành khoa học trái đất và môi trường, cũng như nghiên cứu y sinh học.

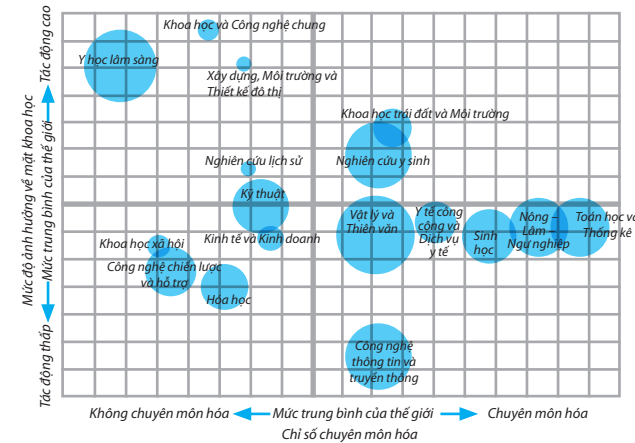
... và thách thức

- *Năng suất lao động.* Chất lượng giáo dục, tỷ lệ đi học thấp và không đồng đều (ví dụ, khác biệt giữa thành thị và nông thôn), và thiếu sự gắn kết giữa giáo dục và thị trường lao động. Con số 100.000 sinh viên Việt Nam du học nước ngoài tính đến năm 2012 đặt ra thách thức phải có các nỗ lực điều phối chính sách để tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao này.

- *Tinh thần kinh doanh và phát triển công nghiệp.* Theo báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam đã rớt từ hạng 87 vào năm 2007 xuống hạng 90 vào năm 2011 và hạng 99 vào năm 2012-2013 về năng lực cạnh tranh. Khó tiếp cận tài chính, thiếu cơ sở hạ tầng và thiếu lao động có tay nghề là các vấn đề nổi cộm nhất mà các doanh nghiệp Việt nam đã nêu ra trong Báo cáo Chỉ số Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF).

- *Đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.* Tổng chi phí R&D của Việt Nam vẫn rất thấp. Chỉ khoảng 0,2% GDP được chi cho nghiên cứu và phát triển trong năm 2002 và con số này tăng một cách khiêm tốn lên 0,46% vào năm 2010.

Chỉ số chuyên môn hóa và mức độ ảnh hưởng về khoa học của Việt Nam, giai đoạn 2000-10



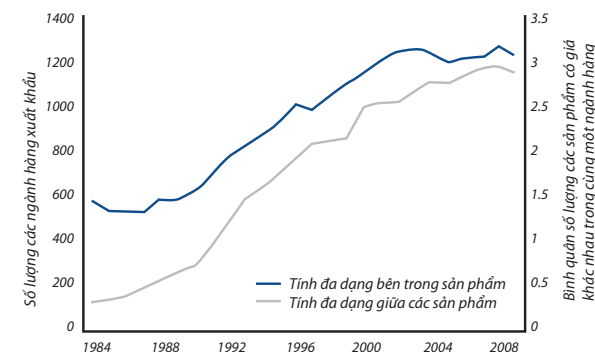
Ghi chú: Diện tích các vòng tròn thể hiện số lượng các nghiên cứu khoa học được công bố.
 Nguồn: Đánh giá chung của OECD - Ngân hàng Thế giới về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.

Việt Nam cũng có tiềm năng to lớn trong các lĩnh vực như y học lâm sàng, khoa học và công nghệ chung, xây dựng, môi trường và thiết kế đô thị (biểu đồ trên đây thể hiện số lượng kết quả nghiên cứu khoa học được công bố ở Việt Nam so với quốc tế).

- *Mạng lưới Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.* Ứng dụng công nghệ ở Việt Nam còn rất hạn chế. Căn cứ theo Chỉ số Hiệu quả Đổi mới sáng tạo của INSEAD, Việt Nam chưa có khả năng huy động và sử dụng kiến thức mới cho các mục đích xã hội và thương mại.

- *Tính đa dạng về sản phẩm.* Sự thiếu đa dạng về sản phẩm cản trở việc gia tăng danh mục hàng hóa xuất khẩu và khả năng hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu một cách hiệu quả hơn trong dài hạn.

Xu hướng đa dạng hóa sản phẩm của Việt Nam



Nguồn: Khảo sát Kinh tế - Xã hội khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2011, UNESCAP; Hình 4.4, tr. 170.

Năm lĩnh vực trọng yếu cần tập trung để cải cách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam

1. Nguồn nhân lực

- *Chú trọng tinh thần kinh doanh và kỹ năng mềm trong giáo dục* như kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo, lãnh đạo, giao tiếp và làm việc nhóm.
- *Tạo cơ hội nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động* và nâng cao hiệu quả các khóa đào tạo ngắn hạn.
- *Biến tình trạng chảy máu chất xám thành thu hút chất xám.* Để giải quyết vấn đề thiếu nhân lực có kỹ năng, chính phủ cần tích cực tìm kiếm những người có mong muốn trở lại Việt Nam và có chính sách khuyến khích họ quay về phục vụ đất nước.
- *Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi kiến thức* giữa các trường đại học, viện nghiên cứu công lập và doanh nghiệp bằng cách trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường đại học để họ có thể thiết lập mối quan hệ với các đối tác cũng như đẩy mạnh trao đổi kiến thức và hợp tác giữa các hiệp hội và diễn đàn.

2. Phát triển công nghiệp và tinh thần kinh doanh

- *Thực hiện các chương trình tài trợ linh hoạt* cho giai đoạn thành lập công ty với cơ chế phù hợp để khuyến khích việc học hỏi từ thất bại, theo đó có sự thừa nhận rằng bản chất của kinh doanh là chấp nhận rủi ro.
- *Thiết lập cơ chế đối thoại hiệu quả giữa chính phủ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN)* để thực hiện việc tư vấn và huấn luyện cho doanh nghiệp thông qua các kênh chính thức (hệ thống Hội đồng Phát triển DNVVN) và không chính thức (các diễn đàn).
- *Cải thiện các khu công nghệ cao.* Các khu công nghệ cao cần được gắn kết với kinh tế địa phương và liên kết chặt chẽ với các trường đại học, các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp khác tại địa phương và khu vực.

3. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập

- *Hoàn thành việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.* Hoàn tất quá trình triển khai đầy đủ Nghị định 115 nhằm làm cho các tổ chức khoa

học và công nghệ công lập có thể đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- *Nâng cao tính phù hợp về kinh tế.* Phân công lao động rõ ràng giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu để tạo điều kiện chuyên môn hóa trong dài hạn.

4. Kết nối và sáng tạo mở

- *Phát triển hạ tầng cho sáng tạo mở.* Thiết lập nền tảng để các cơ quan chính phủ và người sử dụng có thể xác định những thách thức chủ yếu đối với Việt Nam và kêu gọi tài trợ để các nhà sáng chế và doanh nghiệp có thể tham gia và tài trợ.
- *Gia tăng hiệu ứng lan tỏa kiến thức giữa các công ty nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước* bằng cách mở cửa hơn nữa (bao gồm việc nới lỏng các biện pháp bảo hộ) và tăng khả năng hấp thụ công nghệ của các công ty trong nước.
- *Thúc đẩy mạng lưới sản xuất và tri thức quốc tế.* Những ví dụ thành công về việc đi tắt đón đầu để bắt kịp trong phát triển chứng minh tầm quan trọng của việc tiếp cận các nguồn tri thức nước ngoài thông qua mua sắm thiết bị, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), sản xuất thiết bị gốc (OEM), chương trình trao đổi sinh viên và hợp tác quốc tế về Nghiên cứu và Phát triển.

5. Các điều kiện về khuôn khổ pháp lý

- *Cải cách cơ cấu* (như giảm bớt sự chi phối của doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu ngành ngân hàng) là cần thiết để đạt được mục tiêu tăng trưởng dài hạn và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
- *Phát triển thể chế chung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chính phủ.* Cải thiện tính minh bạch, chuẩn mực kiểm toán và báo cáo và hệ thống văn bản pháp luật.
- *Cải thiện thông tin về chính sách, số liệu thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các cơ chế đánh giá.* Để thiết kế chính sách tốt cần các bằng chứng mang tính hệ thống về hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo và các bộ phận cấu thành của nó thông qua số liệu thống kê, phân tích định tính và thông tin phản hồi.

“Đánh giá chung của OECD - Ngân hàng Thế giới về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam” sắp được công bố sẽ đề cập đến các vấn đề cụ thể về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Tài liệu này là một trong các nguồn tư liệu cho bản tóm lược chính sách này. Đây là văn bản do Ban Phát triển con người của Ngân hàng Thế giới soạn thảo.

Các phát hiện, giải thích và kết luận trong tài liệu này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ngân hàng Thế giới. Cả Ngân hàng Thế giới cũng như tác giả không có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác hay hệ quả của việc sử dụng các dữ liệu hay bất kỳ thông tin nào trong văn bản này.

Ngày: 18/05/2014

Liên hệ: Bà Vũ Lan Anh, Chuyên gia Phát triển Con người

Email: avu@worldbank.org

Website: www.worldbank.org/vietnam



Ghi chú: Sinh viên Đại học Nông Lâm bên “xe năng lượng mặt trời” tự chế.